

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt quyết toán hoàn thành hạng mục công trình Đầu tư xây dựng đường giao thông, mặt bằng dân cư, đường điện, đường nước sinh hoạt và Nhà văn hóa thuộc dự án Di dân thành lập bản mới giáp biên Kéo Kèn, xã Quốc Khánh, huyện Tràng Định

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BTC ngày 20/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Báo cáo kết quả thẩm tra và đề nghị quyết toán dự án hoàn thành số 109/BC-STC ngày 06/4/2020; Tờ trình số 319/TTr-STC ngày 23/11/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán hạng mục công trình hoàn thành:

1. Hạng mục công trình Đầu tư xây dựng đường giao thông, mặt bằng dân cư, đường điện, đường nước sinh hoạt và nhà văn hóa thuộc dự án Di dân thành lập bản mới giáp biên Kéo Kèn, xã Quốc Khánh, huyện Tràng Định.

2. Chủ đầu tư: UBND huyện Tràng Định.

3. Địa điểm xây dựng: xã Quốc Khánh, huyện Tràng Định.

4. Thời gian khởi công: 15/11/2015; hoàn thành: 25/10/2019.

Điều 2. Kết quả đầu tư

1. Nguồn vốn đầu tư:

Đơn vị: đồng

Nguồn	Giá trị quyết toán	Thực hiện	
		Đã thanh toán	Còn được thanh toán
Tổng số:	31.100.943.000	27.708.346.000	3.392.597.000
Ngân sách Nhà nước	31.100.943.000	27.708.346.000	3.392.597.000

2. Chi phí đầu tư:

Đơn vị: đồng

Nội dung	Dự toán	Giá trị quyết toán
Tổng số	53.826.000.000	31.100.943.000
- Chi phí xây dựng:	24.638.000.000	21.744.264.000
- Chi phí thiết bị:	407.000.000	264.824.000
- Chi phí BT, HT & TĐC:	15.411.000.000	4.521.979.000
- Chi phí quản lý dự án:	447.000.000	422.325.000
- Chi phí tư vấn ĐTXD:	2.739.000.000	1.302.853.000
- Chi phí khác:	3.764.000.000	2.844.698.000
- Chi phí dự phòng:	6.420.000.000	0

3. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản: Không.

4. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư:

Đơn vị: đồng

Nội dung	Thuộc chủ đầu tư quản lý		Giao đơn vị khác quản lý	
	Giá trị thực tế	Giá trị Quy đổi	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi
Tổng số:			31.100.943.000	
1. Tài sản dài hạn (Tài sản cố định)			31.100.943.000	
2. Tài sản ngắn hạn			0	

Điều 3. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan

1. Trách nhiệm của chủ đầu tư:

a) Được phép tất toán nguồn và chi phí đầu tư các hạng mục công trình là:

Nguồn	Số tiền (đồng)	Ghi chú
Tổng số:	31.100.943.000	
Ngân sách Nhà nước	31.100.943.000	

b) Công nợ tính đến ngày lập báo cáo quyết toán:

- Nợ phải thu: 0 đồng.

- Tổng nợ phải trả: 3.392.597.000 đồng. Chi tiết các khoản công nợ phải thu, phải trả của từng đơn vị theo Phụ lục số 01 kèm theo Quyết định này.

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản:

Đơn vị: đồng

Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản dài hạn/cố định	Tài sản ngắn hạn
1	2	3
- Tổng tài sản tiếp nhận:	31.100.943.000	0
<i>Trong đó:</i>		
+ UBND huyện Tràng Định (hạng mục cấp điện khu dân cư):	2.135.027.000	
+ UBND xã Quốc Khánh, huyện Tràng Định (các hạng mục hạ tầng khu dân cư):	28.965.916.000	

Điều 4. Quyết định này thay thế Quyết định số 652/QĐ-UBND ngày 16/4/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt quyết toán hoàn thành dự án: Di dân thành lập bản mới giáp biên Kéo Kèn, xã Quốc Khánh, huyện Tràng Định.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Tràng Định, Chủ tịch UBND xã Quốc Khánh, huyện Tràng Định và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- C, PCVP UBND tỉnh, các Phòng CM, TT TH-CB;
- Lưu: VT, KT (PVB).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lương Trọng Quỳnh

Phụ lục 01**TÌNH HÌNH THANH TOÁN VÀ CÔNG NỢ***(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / 11 /2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn)**Đơn vị: đồng*

STT	Tên cá nhân, đơn vị thực hiện	Nội dung công việc, hợp đồng thực hiện	Giá trị được A-B chấp nhận quyết toán	Đã giải ngân, thanh toán	Công nợ đến ngày lập báo cáo quyết toán		Ghi chú
					Phải trả	Phải thu	
	1	2	3	4	5	6	7
	Tổng số		31.100.943.000	27.708.346.000	3.392.597.000	0	
1	Công ty TNHH Hà Sơn	Chi xây dựng công trình + thiết bị	22.009.088.000	20.309.171.000	1.699.917.000		
2	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Tràng Định	Chi phí Ban QLDA,	422.325.000	350.000.000	72.325.000		
3	Công ty TNHH MTV tư vấn và xây dựng Minh Hà	Chi phí giám sát thi công xây dựng	428.974.000	350.000.000	78.974.000		
4	Liên doanh Công ty Cổ phần tư vấn và đầu tư XD Vĩnh Long và Công ty TNHH Nhân Hòa	Chi phí khảo sát bước lập lập HSTK BVTC +DT	636.739.000	500.000.000	136.739.000		
		Chi phí KS lập DA điều chỉnh	139.574.000	100.000.000	39.574.000		
5	Công ty CPTV xây dựng giao thông Cửa Đông	Chi phí giám sát bước KS TKBVTC	50.000.000	50.000.000	0		
6	Công ty TNHH Nhân Hòa	Lập HSMT và đánh giá HSDT	47.566.000	43.566.000	4.000.000		
		Chi phí cắm cọc GPMB	91.810.000	91.810.000	0		
7	Công ty bảo hiểm BIDV Đông Bắc	Chi phí bảo hiểm công trình	43.598.000	43.598.000	0		
8	Tổng công ty XD Lũng Lô	Chi phí rà phá bom mìn	2.589.982.000	1.500.000.000	1.089.982.000		

STT	Tên cá nhân, đơn vị thực hiện	Nội dung công việc, hợp đồng thực hiện	Giá trị được A-B chấp nhận quyết toán	Đã giải ngân, thanh toán	Công nợ đến ngày lập báo cáo quyết toán		Ghi chú
9	Phòng Tài chính- Kế hoạch huyện Trảng Định	Thẩm định HSMT và kết quả lựa chọn nhà thầu	25.031.000	0	25.031.000		
10	Sở Giao thông vận tải Lạng Sơn	Phí thẩm tra thiết kế và DT	45.451.000	0	45.451.000		
		Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu	22.031.000	0	22.031.000		
11	Sở Tài chính Lạng Sơn	Thẩm tra phê duyệt quyết toán	110.680.000	0	110.680.000		
12	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Lệ phí thẩm định dự án	7.925.000	0	7.925.000		
13	Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Trảng Định	Chi phí trích đo địa chính	259.968.000	200.000.000	59.968.000		
		Chi phí hội đồng bồi thường	72.357.000	72.357.000	0		
14	Các hộ dân nhận đền bù	Chi phí đền bù GPMB	4.097.844.000	4.097.844.000	0		

